

Bản án số: 42/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 06/9/2021

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tám và ông Lò Văn Sung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lò Thị M; Sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Bản N, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lường Văn Ph; Sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Bản N, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lò Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà M và ông Lường Văn Ph Sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1983, không đăng ký kết hôn, cư trú tại Bản N, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc chung sống trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau, hai người đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm đi lại với nhau. Bà M yêu cầu tòa án công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa hai người và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph vì bà xét thấy tình cảm giữa hai người không còn;

Về con chung: Bà M, ông Ph có hai con chung là cháu Lường Văn Th1 sinh ngày 04/7/1984 và cháu Lường Thị Th sinh ngày 22/12/1992, các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản: Bà M không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021 bị đơn ông Lương Văn Ph trình bày:

Ông Ph và bà M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1983, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thường xuyên mâu thuẫn, bà M xin ly hôn ông Ph không có ý kiến gì, bà M muốn như thế nào tùy bà M. Ông Ph đề nghị Tòa án công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà, còn việc quyết định ly hôn hay không là do Tòa án. Về con chung, hai vợ chồng có hai con chung là cháu Lương Văn Th1 sinh ngày 04/7/1984 và cháu Lương Thị Th sinh ngày 22/12/1992, các cháu đã trưởng thành nên không có ý kiến gì. Về quan hệ tài sản, Ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ph, đã thông báo cho ông Ph đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng ông Ph vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm qui định tại điều 70, 72 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a mục 3 nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, khoản 1 điều 89, điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xử cho bà M được ly hôn với ông Ph; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 cho bà M được Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 26/4/2021 Bà Lò Thị M nộp đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2021 về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với Ông Lương Văn Ph; Địa chỉ: Bản Na Há, xã Phu Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Bà M có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 27/4/2021 bà M đã được chấp nhận Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa Bà Lò Thị M và Ông Lương Văn Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh Ph được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Bà Lò Thị M và Ông Lương Văn Ph chung sống trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, mặc dù hai người không đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau từ năm 1983 được UBND xã Phú Lương xác nhận. Bà M, ông Ph đều đề nghị công nhận mối quan hệ hôn nhân này. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cãi nhau, hai người đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm đi lại với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Hai ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a mục 3 nghị

quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, khoản 1 điều 89, điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu của bà M, giải quyết cho ly hôn giữa bà M với ông Ph.

Về con chung: Bà M và ông Ph có hai con chung là cháu Lương Văn Th1 sinh ngày 04/7/1984 và cháu Lương Thị Th sinh ngày 22/12/1992, các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và có gia đình riêng nên bà M, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho bà M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do bà M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a mục 3 nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, khoản 1 điều 89, điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 điều 227 khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lò Thị M, cho ly hôn giữa Bà Lò Thị M và Ông Lương Văn Ph.

2. Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Miễn cho bà Lò Thị M tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã ph;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc